

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013



Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười một lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 24 tháng 10 năm 2012. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (từ ngày 1 tháng 3 năm 2013)
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2013)
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Ông Phạm Hồng Dương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Ông Đinh Văn Hiệp	Giám đốc Nông nghiệp (từ ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương mại
	Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Giám đốc Nhà máy
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Giám đốc Tài chính Đầu tư
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Giám đốc Hỗ trợ (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Ông Lê An Khang	Giám đốc Hỗ trợ (từ ngày 1 tháng 2 năm 2013, đến ngày 1 tháng 6 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Lê Nho Đình	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Trọng Hòa	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Tiến Cương	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thái Văn Chuyện
Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 53. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-301



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

A blue ink signature of Lâm Thị Ngọc Hào.

Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.967.552.785.649	1.421.289.426.760
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.662.666.763	110.669.897.291
Tiền	111		35.662.666.763	110.669.897.291
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	221.808.641.760	202.458.604.234
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		317.333.585.369	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	828.147.355.081	729.502.883.593
Phải thu khách hàng	131		98.993.738.801	264.032.376.939
Trả trước cho người bán	132		695.411.463.400	418.517.643.528
Các khoản phải thu khác	135		59.116.181.171	69.995.237.367
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(25.374.028.291)	(23.042.374.241)
Hàng tồn kho	140	7	810.860.768.033	339.388.288.019
Hàng tồn kho	141		811.103.324.920	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.073.354.012	39.269.753.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	56.233.282.269	34.332.668.947
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		11.779.319.922	2.357.450.779
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.060.751.821	2.579.633.897
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.240.971.979.451	1.213.104.199.105
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	34.361.577.000	54.686.136.164
Phải thu dài hạn khác	218		34.361.577.000	54.686.136.164
Tài sản cố định	220		632.249.304.684	645.580.386.104
Tài sản cố định hữu hình	221	9	556.574.687.965	540.043.448.468
Nguyên giá	222		1.664.268.918.710	1.613.205.566.904
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.107.694.230.745)	(1.073.162.118.436)
Tài sản cố định vô hình	227	10	42.047.182.800	42.665.949.536
Nguyên giá	228		51.065.241.971	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.018.059.171)	(8.546.096.483)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	33.627.433.919	62.870.988.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	561.819.531.058	499.582.134.384
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		496.720.784.523	435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác	258		94.883.963.904	94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(29.785.217.369)	(31.060.596.643)
Tài sản dài hạn khác	260		12.541.566.709	13.255.542.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.797.388.459	7.843.741.131
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	2.606.129.950	5.273.753.022
Tài sản dài hạn khác	268		138.048.300	138.048.300
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.208.524.765.100	2.634.393.625.865
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.555.654.633.297	938.635.369.571
Nợ ngắn hạn	310		1.530.653.583.297	889.469.256.095
Vay ngắn hạn	311	15	1.401.332.846.218	714.178.138.970
Phải trả người bán	312		16.131.445.236	41.460.174.576
Người mua trả tiền trước	313	16	33.486.796.605	29.752.623.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	17.257.844.817	4.980.685.467
Phải trả người lao động	315		4.068.055.585	9.431.820.585
Chi phí phải trả	316	18	32.732.891.020	60.051.144.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	5.127.179.614	19.174.814.536
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	20.516.524.202	10.439.854.010
Vay dài hạn	330		25.001.050.000	49.166.113.476
Vay dài hạn	334	21	25.001.050.000	49.166.113.476
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.652.870.131.803	1.695.758.256.294
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.652.870.131.803	1.695.758.256.294
Vốn cổ phần	411	23	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		13.818.011.060	7.594.294.697
Cổ phiếu quỹ	414	23	(104.508.192.093)	(129.471.347.730)
Quỹ đầu tư phát triển	417		97.098.444.233	60.085.099.152
Quỹ dự phòng tài chính	418		87.560.743.223	69.054.070.682
Lợi nhuận chưa phân phối	420		139.643.125.380	269.238.139.493
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.208.524.765.100	2.634.393.625.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công (KG)		861.481	6.679.726
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		4.868.349.860	4.868.349.860
Ngoại tệ (USD)		8.770	6.601
Ngoại tệ (EUR)		-	500
Ngoại tệ (KHR)		47.000	-

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	26	913.171.488.892	1.178.032.780.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	772.091.938	1.313.540.095
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	912.399.396.954	1.176.719.240.351
Giá vốn hàng bán	11	27	789.812.040.186	926.559.647.930
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		122.587.356.768	250.159.592.421
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	79.475.643.463	170.001.937.925
Chi phí tài chính	22	29	50.975.904.742	146.521.813.019
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.026.834.541	48.599.962.560
Chi phí bán hàng	24		18.315.110.614	20.600.201.171
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.973.058.313	24.449.536.809
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		100.798.926.562	228.589.979.347
Thu nhập khác	31		4.694.193.818	1.095.064.129
Chi phí khác	32		3.632.002.153	3.460.191
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.062.191.665	1.091.603.938
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		101.861.118.227	229.681.583.285
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	10.207.405.582	15.125.256.282
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	2.667.623.072	4.193.219.371
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		88.986.089.573	210.363.107.632
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31		668	1.641

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		101.861.118.227	229.681.583.285
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		41.477.694.783	39.187.258.882
Các khoản dự phòng	03		1.056.274.776	97.256.009.447
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(67.831.939)	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan	05		(28.852.158.807)	(29.132.460.469)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05		(40.074.955.772)	(19.846.147.684)
Thu nhập cổ tức	05		(10.222.722.000)	(10.222.722.000)
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	05		-	(110.554.905.691)
Chi phí lãi vay	06		48.384.893.364	48.599.962.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		113.562.312.632	244.968.578.330
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(72.478.190.015)	(268.580.308.414)
Biến động hàng tồn kho	10		(477.381.615.130)	(26.887.116.832)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(60.705.027.876)	41.784.245.746
Biến động chi phí trả trước	12		(22.077.856.944)	(20.745.985.996)
			(519.080.377.333)	(29.460.587.166)
Tiền lãi vay đã trả	13		(47.645.010.803)	(52.010.185.298)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(19.795.877.960)	(14.605.592.063)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(19.534.005.872)	(21.828.088.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(606.055.271.968)	(117.904.453.454)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(20.671.765.744)	(25.802.872.026)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		829.067.407	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(60.962.017.400)	(75.724.060.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào chứng khoán	26		-	247.500.000.000
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	24.000.000.000
Tiền ký quỹ nhận được từ bán các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	112.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức	27		51.311.908.005	21.225.145.709
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(29.492.807.732)	303.898.213.683
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31		31.186.872.000	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		-	(33.231.840.138)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.983.839.575.812	1.093.941.678.414
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.320.849.932.040)	(949.060.622.594)
Tiền trả cổ tức	36		(133.635.666.600)	(255.699.608.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		560.540.849.172	(144.050.392.518)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(75.007.230.528)	41.943.367.711
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		110.669.897.291	88.725.909.901
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	35.662.666.763	130.669.277.612

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 517 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 810 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính giữa niên độ này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn khác kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN****(v) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.341.956.986	400.448.204
Tiền gửi ngân hàng	34.320.709.777	110.269.449.087
	35.662.666.763	110.669.897.291

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	70.057.650.000	42.132.639.800
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	88.300.547.342	-
Phi thương mại	3.173.335.853	3.848.954.161

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 11,5% trong kỳ.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 18,5%) trong kỳ và có thể thu được khi có nhu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 547.560 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 160.486 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	499.235.540.972	301.317.238.306
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	31.320.477.000	54.686.136.164
	530.556.017.972	356.003.374.470

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản ứng trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 97.722.011.900 VND thông qua việc bán mía giống (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 106.992.019.400 VND) và đã cần trừ khoản 187.289.996.375 VND ứng trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 85.777.914.653 VND).

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 8% đến 13,5%). Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 3.041.100.000 VND góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Công ty cam kết mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	52.540.916.495	43.377.407.139
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết	3.173.335.853	3.848.954.161
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	20.300.000.000
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	-	848.473.700
Phải thu khác	3.401.928.823	1.620.402.367
	59.116.181.171	69.995.237.367

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	36.676.283.199	62.041.234.378
Công cụ và dụng cụ	158.316.236	64.102.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.617.342.975	43.771.079.175
Thành phẩm	753.473.815.028	207.870.694.011
Hàng hóa	3.817.996.327	9.996.507.532
Hàng gửi đi bán	10.359.571.155	15.887.227.000
	811.103.324.920	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	810.860.768.033	339.388.288.019

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 383.400 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 60.514 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Bao gồm trong chi phí trả trước ngắn hạn là khoản 54.357.776.043 VND hỗ trợ cho nông dân để trồng mía cho vụ mùa tiếp theo (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 34.266.568.947 VND). Chi phí hỗ trợ này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất cho vụ mùa tiếp theo.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
Tăng trong kỳ	-	5.914.461.757	1.063.695.454	345.000.000	-	7.323.157.211
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	-	51.584.624.902	-	-	-	51.584.624.902
Thanh lý	-	(917.146.682)	(104.050.000)	-	(355.061.728)	(1.376.258.410)
Xóa sổ	-	-	-	(2.715.144.492)	-	(2.715.144.492)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(419.962.501)	(1.833.605.989)	(106.624.000)	(1.309.431.024)	(83.403.891)	(3.753.027.405)
Số dư cuối kỳ	278.913.870.254	1.297.294.290.386	25.039.504.916	4.615.922.624	58.405.330.530	1.664.268.918.710
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
Khấu hao trong kỳ	5.017.692.902	32.721.361.800	1.476.596.881	221.425.109	1.421.851.355	40.858.928.047
Thanh lý	-	(183.448.452)	(76.512.762)	-	(355.061.728)	(615.022.942)
Xóa sổ	-	-	-	(2.715.144.492)	-	(2.715.144.492)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(357.409.908)	(1.451.365.620)	(106.624.000)	(1.014.143.779)	(67.104.997)	(2.996.648.304)
Số dư cuối kỳ	140.982.435.224	892.691.752.270	12.767.082.095	3.883.873.494	57.369.087.662	1.107.694.230.745
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468
Số dư cuối kỳ	137.931.435.030	404.602.538.116	12.272.422.821	732.049.130	1.036.242.868	556.574.687.965

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 159.125 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 163.328 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 229.974 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 243.431 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.581.487.152	51.065.241.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
Khấu hao trong kỳ	519.585.184	99.181.552	618.766.736
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	6.122.567.609	2.895.491.562	9.018.059.171
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536
Số dư cuối kỳ	41.361.187.210	685.995.590	42.047.182.800

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.008 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.155 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ 41.361 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41.881 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	62.870.988.100	36.829.486.105
Tăng trong kỳ	23.361.095.326	23.527.773.331
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.584.624.902)	(41.946.309.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(749.962.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.020.024.605)	-
Số dư cuối kỳ	33.627.433.919	17.660.987.821

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nâng cấp dây chuyền sản xuất	13.831.805.396	47.333.614.684
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	13.293.787.748	12.917.142.603
Khác	6.501.840.775	2.620.230.813
	33.627.433.919	62.870.988.100

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 642 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: không).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

12. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư dài hạn	Số lượng	30/6/2013		VND	Số lượng	31/12/2012		VND
		% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết			% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	21,64%	21,64%	129.530.737.123	6.815.148	21,64%	21,64%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (iv)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (v)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000	-	-	-	-
				496.720.784.523				435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác								
▪ Đầu tư chứng khoán (vi)				93.772.155.000				93.772.155.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				1.111.808.904				1.115.778.904
				94.883.963.904				94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(29.785.217.369)				(31.060.596.643)
				561.819.531.058				499.582.134.384

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết (vii)	317.333.585.369	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
	221.808.641.760	202.458.604.234

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần của Bourbon An Hòa cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho Bourbon An Hòa.

- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

- (iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

- (iv) Trong kỳ Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (v) Trong kỳ Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (vi) Đầu tư chứng khoán bao gồm:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	2.500.000	48.823.125.000	2.500.000	48.823.125.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	2.996.602	44.949.030.000	2.996.602	44.949.030.000
	5.496.602	93.772.155.000	5.496.602	93.772.155.000

- (vii) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: từ 15% đến 18,5% một năm). Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 19.350.037.526 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 67.913.450.921 VND) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay.

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	297.983.547.843	90.358.494.207	530.642.731.027	374.530.737.123
Tăng đầu tư trong kỳ	19.350.037.526	82.054.956.714	60.965.987.400	61.224.060.000
Khác	-	-	(3.970.000)	-
Số dư cuối kỳ	317.333.585.369	172.413.450.921	591.604.748.427	435.754.797.123

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	95.524.943.609	18.258.171.246	31.060.596.643	36.339.400.956
Tăng trong kỳ	-	1.160.305.527	-	103.057.012.395
Chuyển từ dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	279.991.595	-	-
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	(6.961.308.475)
Hoàn nhập	-	-	(1.275.379.274)	-
Số dư cuối kỳ	95.524.943.609	19.698.468.368	29.785.217.369	132.435.104.876

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.843.741.131	-
Tăng trong kỳ	1.313.035.579	2.799.694.378
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – giá trị thuần	756.379.101	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.020.024.605	-
Phân bổ trong kỳ	(1.135.791.957)	(1.399.847.190)
Số dư cuối kỳ	9.797.388.459	1.399.847.188

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****15. Vay ngắn hạn**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	1.397.894.504.218	691.332.892.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	3.438.342.000	22.845.246.300
	1.401.332.846.218	714.178.138.970

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	6,8% - 8,5%	249.053.360.000	197.840.478.236
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	Đô la Mỹ	4%	74.546.640.000	92.588.350.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	8,3% - 9,8%	249.023.837.056	196.832.871.434
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	7,9% - 9,0%	114.866.899.459	115.250.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	Đô la Mỹ	3,9%	74.017.440.000	-
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iv)	VND	8,7% - 9,5%	150.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	VND	9% - 11%	130.663.961.500	88.821.193.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	VND	9% - 9,5%	100.000.000.000	-
• Ngân hàng TNHH Thương Mại Chinatrust Việt Nam(vii)	VND	8% - 8,5%	62.400.000.000	-
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (viii)	VND	6% - 8,9%	60.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Quân đội (ix)	VND	7,5%	59.200.000.000	-
• Ngân hàng TNHH Hong Leong Việt Nam (x)	VND	8,3% - 9%	58.672.366.203	-
• Khoản vay không đảm bảo từ nhân viên	VND	12%	15.450.000.000	-
			1.397.894.504.218	691.332.892.670

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 33.380 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 82.700 triệu VND và 10 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: lần lượt là 3.741 triệu VND, 82.700 triệu VND và 10 triệu Đô la Mỹ).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 lần lượt là 137.931 triệu VND và 7.981 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: lần lượt là 143.012 triệu VND và 8.140 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 12 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị lần lượt với giá trị là 77.786 triệu VND và 60.514 triệu VND).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 150.000 triệu VND.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 92.043 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 100.419 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 62.400 triệu VND.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 85.000 triệu VND.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 86.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****16. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	29.374.700.000	29.374.700.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông để mua mặt đường	2.615.041.996	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	-
Người mua trả tiền trước	283.054.609	377.923.024
	33.486.796.605	29.752.623.024

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất trong năm 2013.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân	249.661.552	-
Thuế giá trị gia tăng	17.008.183.265	4.980.685.467
	17.257.844.817	4.980.685.467

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****18. Chi phí phải trả**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng định phí hoạt động	26.061.299.500	-
Hỗ trợ cho nông dân trồng mía	-	52.035.661.600
Phí vận chuyển và bốc dỡ	1.569.257.768	3.228.683.000
Chi phí lãi vay	3.812.813.170	2.430.989.432
Phép năm không sử dụng	1.217.374.970	1.197.102.280
Chi phí khác	72.145.612	1.158.708.615
	32.732.891.020	60.051.144.927

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	1.571.663.656	16.528.681.190
Phải trả cho Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	572.571.510	757.828.110
Phải trả khác	1.782.944.448	688.305.236
	5.127.179.614	19.174.814.536

Bao gồm trong khoản phải trả khác có khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản phải trả phi thương mại cho các công ty liên quan khác	1.392.924.000	757.828.110

Khoản phải trả khác cho các công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.439.854.010	1.459.224.234
Tăng trong kỳ	29.610.676.064	38.314.816.410
Sử dụng trong kỳ	(19.534.005.872)	(21.828.088.927)
Số dư cuối kỳ	20.516.524.202	17.945.951.717

21. Vay dài hạn

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	28.439.392.000	72.011.359.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(3.438.342.000)	(22.845.246.300)
Hoàn trả sau 12 tháng	25.001.050.000	49.166.113.476

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,6%	2020	16.704.392.000	17.897.563.000
• Vay dài hạn từ nhân viên	VND	12%	2014	8.050.000.000	-
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (ii)	VND	11,4%	2016	3.685.000.000	4.211.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	14%	2016	-	49.902.796.776
				28.439.392.000	72.011.359.776

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được hoàn trả trong 14 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được hoàn trả trong 13 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.500 triệu VND).
- (iii) Trong kỳ Công ty đã hoàn trả đủ khoản vay này trước ngày đến hạn.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	210.363.107.632	210.363.107.632
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(255.851.600.000)	(255.851.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(172.627.053.033)	60.085.099.152	69.054.070.682	301.356.496.316	1.677.126.613.117
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	159.770.343.177	159.770.343.177
Cổ tức	-	-	-	-	-	(191.888.700.000)	(191.888.700.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	6.223.716.363	24.963.155.637	-	-	-	31.186.872.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	88.986.089.573	88.986.089.573
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(133.450.410.000)	(133.450.410.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	1.419.258.000.000	13.818.011.060	(104.508.192.093)	97.098.444.233	87.560.743.223	139.643.125.380	1.652.870.131.803

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	1.419.258.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(8.475.390)	(84.753.900.000)	(10.500.000)	(105.000.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	133.450.410	1.334.504.100.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2013		30/6/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	2.024.610	20.246.100.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(2.655.900)	(26.559.000.000)
Số dư cuối kỳ	133.450.410	1.334.504.100.000	127.925.800	1.279.258.000.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	129.471.347.730	139.395.212.895
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(24.963.155.637)	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	33.231.840.138
Số dư cuối kỳ	104.508.192.093	172.627.053.033

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phát hành lại toàn bộ cổ phiếu quỹ thông qua phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận với giá không thấp hơn 14.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, 2.024.610 cổ phiếu quỹ đã được phát hành lại vào tháng 1, 3 và 4 năm 2013 với giá dao động từ 14.624 VND đến 15.777 VND một cổ phiếu.

24. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012 và 500 VND cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 2.000 VND trên một cổ phiếu).

25. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****26. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	731.063.222.765	1.015.286.162.880
▪ Bán mật đường	60.450.028.378	37.275.963.430
▪ Bán điện	26.275.966.800	28.409.340.600
▪ Bán phân bón	82.615.075.974	84.915.359.707
▪ Khác	12.767.194.975	12.145.953.829
	913.171.488.892	1.178.032.780.446
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(772.091.938)	(1.313.540.095)
Doanh thu thuần	912.399.396.954	1.176.719.240.351

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn đường	619.106.095.580	777.088.284.904
Giá vốn mật đường	60.402.229.723	36.264.636.713
Giá vốn điện	24.693.040.995	23.400.749.442
Giá vốn phân bón	78.695.507.120	78.264.834.659
Khác	6.915.166.768	11.541.142.212
	789.812.040.186	926.559.647.930

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	40.074.955.772	19.846.147.684
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	28.469.602.530	24.780.685.478
Thu nhập cổ tức	10.222.722.000	10.222.722.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	382.556.277	4.351.774.991
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	325.806.884	245.702.081
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	-	110.554.905.691
	79.475.643.463	170.001.937.925

29. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49.026.834.541	48.599.962.560
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(1.275.379.274)	97.256.009.447
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	2.331.654.050	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	450.062.774	268.155.739
Chi phí khác	442.732.651	397.685.273
	50.975.904.742	146.521.813.019

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	9.963.879.413	15.125.256.282
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	243.526.169	-
	10.207.405.582	15.125.256.282
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.667.623.072	4.193.219.371
	12.875.028.654	19.318.475.653

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	101.861.118.227	229.681.583.285
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.186.111.823	22.968.158.329
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	4.434.289.558	3.685.759.326
Chi phí không được khấu trừ thuế	566.781.604	165.097.600
Thu nhập không bị tính thuế	(2.555.680.500)	(2.555.680.500)
Ưu đãi thuế	-	(4.944.859.102)
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	243.526.169	-
	12.875.028.654	19.318.475.653

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 25%.

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 88.986 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 210.363 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 133.123.496 (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 128.176.793), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	88.986.089.573	210.363.107.632

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	131.425.800	130.581.700
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	1.697.696	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	(2.404.907)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	133.123.496	128.176.793

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng	(*)	34.320.709.777	110.269.449.087
Khoản vay cấp cho một công ty liên quan	(**)	221.808.641.760	202.458.604.234
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	158.109.919.972	334.027.614.306
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	(****)	505.181.989.681	332.961.000.229
		919.421.261.190	979.716.667.856

(*) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

() Khoản vay cấp cho công ty liên quan**

Đối phó với các rủi ro, Ban Giám đốc của Công ty đã xem xét độ tin cậy về khả năng trả nợ của các đối tượng vay. Việc trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi sẽ phát sinh khi Ban Giám đốc thấy cần thiết và tuân theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(***) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chưa quá hạn	111.014.002.917	257.787.899.165
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	47.095.917.055	76.239.715.141
	158.109.919.972	334.027.614.306

(**) Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cân trừ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản hỗ trợ mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản ứng trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản ứng trước như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chưa quá hạn	495.312.151.845	328.284.560.532
Quá hạn trên 180 ngày	35.243.866.127	4.676.439.697
	530.556.017.972	332.961.000.229

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	23.042.374.241	18,258,171,246
Tăng dự phòng trong kỳ	2.331.654.050	7,555,951,731
Số dư cuối kỳ	25.374.028.291	25,814,122,977

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.397.894.504.218	1.439.841.647.691	1.439.841.647.691	-	-	-
Phải trả người bán	16.131.445.236	16.131.445.236	16.131.445.236	-	-	-
Phải trả người lao động	4.068.055.585	4.068.055.585	4.068.055.585	-	-	-
Chi phí phải trả	32.732.891.020	32.732.891.020	32.732.891.020	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.127.179.614	5.127.179.614	5.127.179.614	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	28.439.392.000	33.022.721.316	4.399.828.076	13.410.450.495	10.160.004.094	5.052.438.651
	1.484.393.467.673	1.530.923.940.462	1.502.301.047.222	13.410.450.495	10.160.004.094	5.052.438.651

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	691.332.892.670	713.203.342.136	713.203.342.136	-	-	-
Phải trả người bán	41.460.174.576	41.460.174.576	41.460.174.576	-	-	-
Phải trả người lao động	9.431.820.585	9.431.820.585	9.431.820.585	-	-	-
Chi phí phải trả	60.051.144.927	60.051.144.927	60.051.144.927	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.174.814.536	19.174.814.536	19.174.814.536	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	72.011.359.776	86.159.311.532	25.645.576.282	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091
	893.462.207.070	929.480.608.292	868.966.873.042	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền	8.770	-	6.601	500
Vay ngắn hạn	(3.528.000)	-	(4.400.000)	-
Phải trả người bán	-	(591)	-	-
	(3.519.230)	(591)	(4.393.399)	500

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
1 USD	21.130	20.815
1 EUR	27.390	27.371

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo cung và cầu.

**Ảnh hưởng trên
lợi nhuận thuần
VND****30/6/2013**

USD (mạnh thêm 1%)	(649.622.000)
EUR (mạnh thêm 1%)	(141.000)

31/12/2012

USD (yếu đi 2%)	(782.615.000)
EUR (mạnh thêm 1%)	27.571.000

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, 1.397 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư ngắn hạn	221.808.641.760	202.458.604.234
Vay dài hạn	(28.439.392.000)	(72.011.359.776)
	193.369.249.760	130.447.244.458
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	34.320.709.777	110.269.449.087
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	473.861.512.681	278.274.864.065
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	31.320.477.000	54.686.136.164
Vay ngắn hạn	(1.397.894.504.218)	(691.332.892.670)
	(858.391.804.760)	(248.102.443.354)

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 7.499 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.173 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013. Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đầu tư chứng khoán

	30/6/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	44.949.030.000	56.635.777.800
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	48.823.125.000	48.250.000.000
	93.772.155.000	104.885.777.800

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai được xác định bằng cách tham chiếu với giá trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Đầu tư dài hạn khác

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn khác vào vốn chủ sở hữu theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lãi phải thu chuyển thành nợ gốc vay cấp cho một công ty liên quan	19.350.037.526	-
Mua tài sản cố định nhưng chưa chi trả	3.461.410.500	-
Chi phí lãi vay được vốn hóa trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang	641.941.177	-
Lãi phải thu cần trừ với các khoản phải trả người bán	-	12.402.586.346

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	54.370.128.759	26.963.526.095
Mua đường thô	267.376.797.263	-
Tạm ứng từ bán cổ phiếu của Bourbon An Hòa	-	24.000.000.000
Thu nhập lãi	4.064.963.870	4.692.566.667
Chi phí lãi	-	1.799.875.000
Cho vay	-	98.000.000.000
Tiền tạm ứng nhận được cho bán đường và mật đường	-	37.750.000.000
Mua cổ phiếu Đường Nước Trong	53.765.987.400	-
Thu nhập từ cho thuê xe	36.000.000	-

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng	1.918.180.956	-
Thu nhập lãi	1.395.333.333	-
Thu nhập từ cho thuê xe tải	130.909.092	-
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Thu nhập lãi	18.674.419.218	20.088.118.811
Cho vay	-	82.413.450.921
Lãi vay vốn hóa vào nợ gốc	19.350.037.526	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên		
Bán cổ phiếu Đường La Ngà	-	6.900.000.000
Thu nhập lãi	4.334.886.109	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng	19.413.636	-
Nhận cổ tức	10.222.722.000	10.222.722.000
Phí gia công	680.180.220	-
Phí bảo quản kho	41.116.159	-
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	23.174.013.283	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Tạm ứng nhận được cho dịch vụ tư vấn	1.110.000.000	-
Bán hom giống	38.232.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Góp vốn	7.200.000.000	-
Bán phân bón	368.928.446	-
Bán tài sản dài hạn và hàng tồn kho	3.332.363.114	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Mua đường thô	13.333.333.333	-
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.202.255.842	1.355.676.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

35. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	254.801.440.135	64.692.932.637
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	18,337,275,200	46.646.303.584
	273,138,715,335	111.339.236.221

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	686.457.929	293.877.817

(c) Khác

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội Cổ đông đã phê duyệt việc bán 6.574.200 cổ phiếu của Công ty theo mệnh giá cho các nhân viên chủ chốt. Sau ngày kết thúc niên độ báo cáo, vào ngày 17 tháng 7 năm 2013, Công ty đã phát hành 6.574.200 cổ phiếu cho các nhân viên, trong đó 50% số cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tới ngày 16 tháng 7 năm 2014 và 50% số cổ phiếu còn lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tới ngày 16 tháng 7 năm 2015. Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình đăng ký các cổ phiếu phát hành thêm với Ủy ban Chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	608.971.661.829	848.758.027.621
Chi phí nhân công	46.400.690.712	41.443.114.400
Chi phí khấu hao	41.116.707.168	40.587.106.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.194.125.683	28.032.005.584
Chi phí khác	3.417.023.721	12.789.132.235

37. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2012
	VND	VND
	(được phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	(117.904.453.454)	81.065.356.324
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	303.898.213.683	104.928.403.905

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

ngày 9 tháng 8 năm 2013

